TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 10/9/2025
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm và bà Đỗ Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực - Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp 1, xã Gành H, tỉnh Cà Mau

CCCD: 095176000661; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

2/. *Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp1, xã Gành H, tỉnh Cà Mau

(*Chị T có đơn xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2025, lời khai trong quá trình tố tụng, chị Lê Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gành H (nay là xã Gành H) và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T có người phụ nữ khác, chị cũng có khuyên bảo nhưng anh T vẫn không sửa đổi, hơn nữa anh T thường xuyên đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về nhà, nhưng vợ chồng không hòa hợp nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 năm nay không còn quan tâm nhau, không tìm biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, không còn khả năng hàn gắn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị T xác định anh chị có 02 người con chung Lê Thị Thùy D, sinh năm 1995 và Lê Văn K, sinh năm 1999, hiện nay các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T xác định anh chị tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị T xác định anh chị không có nợ chung nên không đặt ra xem xét.

Đối với anh Lê Văn T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh T theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án

Về nội dung vụ án: Chị T và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T xác định anh chị có 02 người con chung Lê Thị Thùy D, sinh năm 1995 và Lê Văn K, sinh năm 1999, hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T xác định anh chị tự thỏa thuận không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định anh chị không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Cẩm T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Lê Văn T có địa chỉ cư trú ấp 1, xã Gành Hào, tỉnh Cà Mau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân nhân dân khu vực 8 - Cà Mau.

Chị T có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt

không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T và anh T chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã Gành H và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T bất đồng quan điểm sống khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T xác định anh chị đã sống ly thân một thời gian dài không còn quan tâm nhau, không tìm được biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T là hoàn toàn phù hợp.

Về con chung: Chị T xác định anh chị có 02 người con chung Lê Thị Thùy D, sinh năm 1995 và Lê Văn K, sinh năm 1999, hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T xác định anh chị tự thỏa thuận không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định anh chị không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm T. Xử cho chị Lê Thị Cẩm T được ly hôn với anh Lê Văn T.

2/. Về con chung: Đã trưởng thành

3/. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

4/. Về nợ chung: Không có

5/. Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011563 ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cà Mau.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND khu vực 8 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cà Mau ;
- UBND xã Gành H;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Thạch Thị Ngọc Bích